



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 175, số 15, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Bùi Hoàng Tân - Tình hình sở hữu ruộng đất công ở huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên qua nghiên cứu tư liệu địa bạ năm Minh Mạng thứ 17 (1836)	3
Đoàn Thị Yến - Vua Tự Đức với vấn đề Công giáo trước và sau năm 1862	9
Trần Minh Thuận - Vấn đề ruộng đất và các cuộc đấu tranh tự phát của nông dân ở tỉnh Bạc Liêu thời Pháp thuộc	15
Đồng Văn Quân - Các kiểu chế độ dân chủ trong lịch sử và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay	21
Lê Thị Giang, Lê Thị Hương - Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và xây dựng con người	27
Cao Thị Phương Nhung, Ngô Thị Quang - Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về công tác học tập lí luận trong tác phẩm “Diễn văn khai mạc lớp học lí luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc”	33
Lưu Thu Trang - Bi kịch của nhân vật Grigori Melekhov qua mối quan hệ với hai nhân vật nữ Aksinia và Natalia trong tác phẩm <i>Sông Đông êm đềm</i> (M. Sholokhov)	39
Hoàng Thị Tuyết Mai - Thế giới trắng trong thơ Nguyễn Huy Oánh	45
Nguyễn Diệu Linh - Cá sinh trong văn hóa ẩm thực của người Thái trắng ở xã Sơn A, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	49
Nguyễn Thị Tân Tiến, Hà Thị Hằng - Sự khác biệt về kết quả chuẩn đầu ra tin học của sinh viên học học phần Tin học đại cương với sinh viên đạt chứng chỉ IC3 ở trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	55
Đầu Thị Thu - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp	61
Nguyễn Ngọc Bích, Dương Tố Quỳnh - Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn bóng chuyền cho sinh viên trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	67
Lưu Quang Sáng - Một số phương pháp dạy học chữ Hán cho người Việt	73
Hoàng Thị Hải Yến - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên hiện nay	79
Phùng Thị Tuyết, Nông Hồng Hạnh - Đánh giá trong dạy học qua đề án ở bộ môn tiếng Trung Quốc - Khoa Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên	85
Trần Hoàng Tinh - Thực trạng và biện pháp xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	91
Hoàng Thị Lý - Vai trò của hoạt động giảng dạy trong việc làm tăng khả năng đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên năm nhất	97
Dương Thị Hồng An, Đặng Phương Mai - Đánh giá phần mềm hỗ trợ học tập và giảng dạy tiếng Anh tại trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên	103
Tạ Thị Mai Hương, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Thị Hạnh Hồng - Tác động của việc sử dụng hồ sơ bài tập lên sự phát triển kĩ năng nghe hiểu của sinh viên: nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên	109
Trần Tuấn Anh, Đỗ Văn Hải, Trần Thị Thu Thủy, Hoàng Văn Hùng - Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu phục vụ công tác quản lý tại phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	115
Nguyễn Thị Gấm, Đào Thị Hương - Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ ngân hàng tới sự thỏa mãn của khách hàng tại Vietinbank - chi nhánh Thái Nguyên	121
Nguyễn Thị Thanh Thủy - Đầu tư trực tiếp nước ngoài với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam	129

Chu Thị Hà, Đỗ Thị Hà Phương, Nguyễn Thị Giang, Lin Xiao Wu - Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tri thức tại Việt Nam	135
Trần Viết Khanh, Đỗ Thúy Mùi - Một số giải pháp phát triển nông nghiệp vùng Tây Bắc	141
Nguyễn Thị Lan Anh - Tăng cường quản lý sử dụng kinh phí cho hoạt động y tế tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	147
Nguyễn Thị Giang, Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Hồ Lương Xinh - Hiệu quả kinh tế trong sản xuất nấm ăn của các hộ gia đình ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	153
Đỗ Thị Vân Hương - Phân tích hiệu quả mô hình trồng cây cà phê chè (<i>Arabica</i>), cây mắc ca (<i>Macadamia</i>) tại xã Ảng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	159
Đặng Ngọc Huyền Trang, Dương Thị Thùy Linh - Xác định mối quan hệ giữa nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài và cán cân thương mại ở Việt Nam	165
Dương Thị Tinh - Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước năm 2016 và giải pháp cho những năm tiếp theo	171
Phạm Thị Thanh Mai, Nghiêm Thị Ngoan - Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm chè mang chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” của tỉnh Thái Nguyên	177
Nguyễn Thị Thảo - Kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015	183
Nguyễn Thị Lan Anh, Đào Thị Hương - Phát triển mối liên kết các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành hàng chè tỉnh Thái Nguyên	189
Trần Thùy Linh, Đỗ Hoàng Yến - Hoàn thiện các quy định về xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo Luật Cạnh tranh 2004	195
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Ngô Thị Quỳnh Trang, Phạm Thị Thu Phương, Hoàng Thị Lan Hương - Các rào cản trong việc áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN tại Hà Nội	201
Phan Thị Vân Giang, Phạm Bảo Dương - Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm liên kết kinh tế trong chăn nuôi và tiêu thụ lợn thịt	207

VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH TỰ PHÁT CỦA NÔNG DÂN Ở TỈNH BẠC LIÊU THỜI PHÁP THUỘC

Trần Minh Thuận*
Trường Đại học Cần Thơ

TÓM TẮT

Trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, vấn đề ruộng đất ở tỉnh Bạc Liêu có những chuyển biến rõ rệt. Chính quyền thuộc địa có những chính sách ưu tiên cho tầng lớp điền chủ trong việc cấp phát đất đai. Nhiều điền chủ ở đây sở hữu hàng nghìn héc-ta ruộng đất. Hệ thống đồn điền trồng lúa của tầng lớp điền chủ ngày càng mở rộng. Bên cạnh đó, ruộng đất của nông dân ngày càng bị thu hẹp dần. Những mâu thuẫn giữa điền chủ và nông dân ở tỉnh Bạc Liêu trở nên căng thẳng. Những cuộc đấu tranh tự phát đã buộc chính quyền Đông Dương phải điều chỉnh chính sách cấp phát đất đai ở thuộc địa.

Từ khóa: sở hữu ruộng đất, điền chủ, nông dân, đấu tranh tự phát, tỉnh Bạc Liêu.

VÀI NÉT LỊCH SỬ HÀNH CHÍNH TỈNH BẠC LIÊU CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Hoà ước Giáp Tuất (1874) được ký với giữa triều đình nhà Nguyễn và đại diện Pháp có một điều khoản rất quan trọng là “*vua nước Nam phải thuận nhượng đứt đất 6 tỉnh Nam Kỳ cho nước Pháp*” [8; tr.286]. Nam Kỳ lục tỉnh đã chính thức trở thành đất của Pháp. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp hoàn chỉnh dần hệ thống hành chính ở Nam Kỳ theo ý đồ cai trị và khai thác vùng đất tiềm năng về kinh tế này. Sáu tỉnh Nam Kỳ được thành lập từ cải cách hành chính của Minh Mạng năm 1832 bị xoá bỏ. Thay vào đó là việc chia Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administrative) là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Xắc (Bassac). Khu vực Bát Xắc gồm có 6 tiểu khu là Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng. Ngày 18/12/1882, thống đốc Nam Kỳ ra quyết định tách hai tổng của tiểu khu Sóc Trăng và 3 tổng của tiểu khu Rạch Giá để thành lập một tiểu khu mới là Bạc Liêu [11; tr.106]. Tiếp theo đó, ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định đổi các “tiểu khu” thành “tỉnh”. Miền Tây Nam Kỳ lúc này gồm có 7 tỉnh là Bạc Liêu, Cần Thơ, Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá và Sóc Trăng [11; tr.264-265].

Tỉnh Bạc Liêu có diện tích lớn nhất so với các tỉnh ở miền Tây Nam Kỳ trong những năm đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, điều kiện tự nhiên ở đây cũng khắc nghiệt hơn so với các tỉnh khác và việc khẩn hoang chưa được đẩy mạnh vì thiếu nhân công và phương tiện kỹ thuật. Chính vì vậy, dù tỉnh Bạc Liêu có diện tích lớn nhất miền Tây Nam Kỳ nhưng tổng diện tích trồng lúa lại ít hơn các tỉnh khác như Rạch Giá, Cần Thơ, Sóc Trăng, chỉ hơn các tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên.

Một tài liệu thống kê năm 1926 cho biết, tỉnh Bạc Liêu có dân số 181.372 người, chợ trung tâm là Cà Mau, các cơ quan hành chính đặt ở Cà Mau, Giá Rai, Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi [5; tr.19]. Theo số liệu của Y.Henry năm 1930 thì tỉnh Bạc Liêu có dân số 231.000 người với tổng diện tích 7.272 km² [7; tr.5]. Với diện tích đất đai rộng lớn nhưng mật độ dân số thấp cũng cho thấy tình hình khẩn hoang và kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu đến những năm đầu thế kỉ XX vẫn còn phát triển khá chậm chạp. Tuy nhiên, khi thực dân Pháp đầu tư phát triển hệ thống kênh đào và có những chính sách ưu đãi trong cấp phát đất khẩn hoang cho tư sản Pháp và những điền chủ người Việt thân Pháp thì việc khẩn hoang và sở hữu ruộng đất ở tỉnh Bạc Liêu có những chuyển biến mới, nhất là trong những thập niên 20-30 của thế kỉ XX.

* Tel: 0907079229; Email: tranminhkc@ctu.edu.vn

VẤN ĐỀ SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở TỈNH BẠC LIÊU CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Như đã trình bày ở trên, miền Tây Nam Kỳ (hay vùng Hậu Giang) đầu thế kỉ XX là một vùng đất còn hoang hóa chưa được khai phá hết trong khi miền Đông và miền Trung Nam Kỳ về cơ bản đã khai thác xong, chỉ trừ một số nơi bị nhiễm phèn chưa canh tác được như ở Láng Linh và phụ cận Hà Tiên... Chính vì vậy, “*thực dân Pháp và địa chủ Nam Bộ chuyển về thành lập các đồn điền mới ở các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ...thuộc miền Hậu Giang*” [6; tr.85]. Các tỉnh cực Tây như: Bạc Liêu, Rạch Giá có đặc trưng là đất rộng, người thưa và điều kiện tự nhiên khắc nghiệt với nhiều rừng ngập mặn với nhiều loài cây như tràm, đước, vẹt.... Chính vì vậy, việc khẩn hoang ở đây tập trung vào một số ít người có tiềm lực kinh tế và mối quan hệ với chính quyền thuộc địa. Trong những năm cuối cùng của thế kỉ XIX, cuộc khẩn hoang ở đây đã có những bước phát triển dù còn chậm chạp, nhưng theo *Báo cáo trước Hội đồng quản hạt Nam Kỳ năm 1894*, lợi tức của tỉnh Bạc Liêu cũng đã tăng lên gấp ba so với năm 1885 [9; tr.185]. Đầu thế kỉ XX, những vùng đất màu mỡ của tỉnh Bạc Liêu hầu như đã có chủ và tình trạng sở hữu lớn về mặt đất đai ngày càng phổ biến. Chỉ còn những vùng đất phía Cà Mau, điều kiện còn nhiều khó khăn nên cần phải có thời gian để chinh phục. Vài số liệu so sánh về tổng diện tích đất đai và diện tích đất trồng lúa của tỉnh Bạc Liêu với các tỉnh khác ở miền Tây Nam Kỳ giúp chúng ta có cái nhìn tổng quan về thực trạng ruộng đất.

Bảng 1. Diện tích đất trồng lúa ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ tính đến năm 1907 [12; tr.226]
(đơn vị tính: ha)

Tỉnh	Tổng diện tích	Diện tích trồng lúa	Tỉ lệ %
Rạch Giá	593.648	138.214	11,6
Cần Thơ	260.210	166.200	63,8
Bạc Liêu	710.656	74.379	10,4
Sóc Trăng	231.404	173.672	75,9
Long Xuyên	276.949	68.100	24,6
Châu Đốc	280.009	32.612	11,6
Hà Tiên	172.042	1.424	8,2

Phân tích biểu bảng trên cho thấy, năm 1907 tỉnh Bạc Liêu có tổng diện tích lớn nhất so với các tỉnh khác ở miền Tây Nam Kỳ. Tuy nhiên, đất hoang còn khá nhiều, nhất là ở vùng Cà Mau do hệ thống kênh đào chưa hoàn chỉnh. Chính vì vậy, diện tích trồng lúa ở đây chỉ chiếm 10,4% trên tổng diện tích đất, chỉ cao hơn Hà Tiên, là nơi có nhiều vùng nhiễm phèn và ngập mặn. Trong khi đó, tỉ lệ này ở tỉnh Cần Thơ là 63,8%, cao nhất ở miền Tây tỉnh là Sóc Trăng với tỉ lệ 75,9%.

Khi thực dân Pháp tiến hành đào những con kênh nối Bạc Liêu với Cà Mau thì việc khai phá đã trở nên dễ dàng hơn. “*Kinh Bạc Liêu-Cà Mau đào năm 1915, dài 67 km, rộng 50 m, sâu trung bình 4,5 m. Đây là thủy đạo huyết mạch rút ngắn khoảng cách và nối liền hai trung tâm thương mại Bạc Liêu và Cà Mau, ghe thuyền đi lại quanh năm*” [13; tr.34]. Bên cạnh đó còn một số kênh đào khác góp phần quan trọng cho việc khẩn hoang ở tỉnh Bạc Liêu như kênh Quan Lộ - Phụng Hiệp, kênh Cạnh Đền, kênh Bảy Háp - Gành Hào... Điều này cuốn hút những điền chủ có vốn liếng đổ xô về đây để tìm cơ hội sở hữu những thửa đất lớn để phát triển kinh tế. Điều này đã làm cho vấn đề ruộng đất trở nên phức tạp hơn, dẫn đến rất nhiều vụ tranh chấp đất đai diễn ra. Trần Ngọc Định cho rằng việc sở hữu ruộng đất lớn là một đặc trưng ở Nam Kỳ. Quá trình này bắt đầu từ thời chúa Nguyễn, sau đó là vương triều Nguyễn. Thời thuộc địa, tình trạng này vẫn còn tồn tại và phát triển mạnh ở miền Tây. “*Các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ... thuộc miền Hậu Giang... Có nhiều đại địa chủ Nam Bộ đã chiếm tới 10.000 đến 20.000 héc ta ruộng đất. Riêng năm 1931, diện tích nhượng là 900.000 héc ta và nhất là đến năm 1943 tổng số đồn điền đã nhượng cho đại địa chủ Nam Bộ là 150.920 cái, rộng tới 1.253.773 héc ta, chiếm hơn nửa diện tích trồng cấy ở Nam Bộ*” [6; tr.86]. Vài số liệu của Y.Henry đã cho biết việc sở hữu ruộng đất lớn ở tỉnh Bạc Liêu trong những thập niên đầu của thế kỉ XX. Cụ thể, sở hữu từ 50 ha đến 100 ha gồm có 530 người, điền chủ có diện tích đất đai từ 100 ha đến 500 ha là 487 người, những điền chủ lớn với diện tích từ 500 ha trở lên là 47 người, số

người [7; tr.192]. Những có số liệu này cho thấy ở tỉnh Bạc Liêu, việc sở hữu ruộng đất lớn vượt trội hơn so với các tỉnh khác ở miền Tây Nam Kỳ. Một thống kê khác về mặt tỉ lệ cho biết tổng quan về tình trạng sở hữu ruộng đất ở tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 2. Tình hình sở hữu ruộng đất ở tỉnh Bạc Liêu năm 1930 [3; tr.110]

Tỉnh Bạc Liêu	Tiểu điền sản	Trung điền sản		Đại điền sản
	Từ 0 đến 5 ha	Từ 5 đến 10 ha	Từ 10 đến 50 ha	Trên 50 ha
Tính theo diện tích	3,3 %	6,8%	24,4%	65,5%
Tính theo địa chủ	38,3%	24,4%	23,9%	9,6%

Bảng số liệu trên thể hiện, các điền chủ sở hữu diện tích đất đai từ 50 ha trở lên chiếm đến 65,5% diện tích đất và chiếm 9,6% tổng số địa chủ. Nghĩa là, tình trạng tập trung ruộng đất lớn vào tay một số ít điền chủ ở tỉnh Bạc Liêu trong những thập niên đầu của thế kỉ XX trở nên phổ biến. Những người này luôn được chính quyền thuộc địa ưu tiên trong việc cấp phát đất với diện tích rất lớn. Trong khoảng 30 năm đầu của thế kỉ XX, chính quyền thuộc địa ban hành nhiều sắc lệnh, nghị định về việc cấp phát đất khẩn hoang ở Đông Dương, đặc biệt là ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ với nhiều ưu đãi cho tư sản Pháp và những điền chủ nhập tịch Pháp. Vì vậy, việc tập trung ruộng đất lớn vào tay họ diễn ra với tốc độ nhanh. “Trong những năm 1920-1930, các địa chủ Pháp đua nhau tới Bạc Liêu lập đồn điền như: Abale, Guydame, Evra, Acborati, Campo, Hammolant... chiếm trên 100 ngàn héc-ta” [2; tr.14]. Các điền chủ người Việt và người Việt gốc Hoa có mối quan hệ thân Pháp cũng đã chiếm rất nhiều diện tích lớn ở Bạc Liêu để thành lập đồn điền. Trong đó có thể kể đến “Trần Trinh Trạch chiếm 145.000 ha ruộng lúa và 10.000 ha ruộng muối. Địa chủ người Hoa như Vưu Tụng chiếm 75.000 ha, Châu Oai chiếm 40.000 ha. Nhiều địa chủ khác như Trương

Đại Danh (Huyện Kê), Ngô Phong Điều, Hòa Khên, Chủ Xiệp, Chủ Đống chiếm từ 5.000 đến 20.000 ha” [2; tr.14].

Nhìn tổng thể quá trình khẩn hoang, chúng ta thấy rằng đất canh tác ngày càng mở rộng, việc sở hữu ruộng đất lớn ở tỉnh Bạc Liêu càng phổ biến so với thời điểm cuối thế kỉ XIX và những năm đầu tiên của thế kỉ XX. “Trong giai đoạn từ năm 1888 đến năm 1930, có tới 311.015 héc-ta đất hoang trở thành ruộng lúa. Một phần lớn số diện tích được khẩn hoang này nằm tại Cà Mau và hai bên con kinh từ Cà Mau đến Bạc Liêu” [9; tr.193]. Như vậy, theo thống kê thì số liệu đất trồng lúa ở tỉnh Bạc Liêu vào năm 1930 so với năm 1907 tăng hơn 4 lần¹. Lúc này, nếu so sánh với các tỉnh khác ở Nam Kỳ thì “diện tích canh tác lúa gạo ở Bạc Liêu đứng hạng nhì ở Nam Kỳ, chỉ sau Rạch Giá. Nhưng Bạc Liêu còn thêm nguồn lợi than được, ruộng muối, nhất là rừng tràm và hải sản. Đến năm 1927, đất ruộng đã chiếm 34% diện tích” [10; tr.296]. Đây là những điều kiện để phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên, việc tập trung ruộng đất vào tay tầng lớp điền chủ diễn ra nhanh với nhiều thủ đoạn đã khiến cho mâu thuẫn giữa điền chủ và nông dân trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

VIỆC ĐẤU TRANH TỰ PHÁT LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA NÔNG DÂN Ở TỈNH BẠC LIÊU ĐẦU THẾ KỈ XX

Việc tập trung ruộng đất lớn làm cho những người nông dân ở đây bị bần cùng và phá sản trước các thủ đoạn nhằm chiếm đoạt đất đai của giới điền chủ. Nhiều nông dân trở thành tá điền và phải nhận đất lĩnh canh. Phạm Cao Dương dẫn lại theo số liệu của Y.Henry, năm 1930 ở tỉnh Bạc Liêu có “6910 địa chủ trực tiếp khai thác ruộng đất và 4.112 người đã dùng tá điền” [3; tr.113]. Số liệu này cho biết, có 6910 điền chủ có thể trực tiếp sản xuất bằng cách thuê mướn nhân công, trả lương công nhật hoặc trả lương theo mùa, hay khoán sản phẩm. Y.Henry đã ghi nhận “tiền công

¹ Xem Bảng 1 để so sánh số liệu

trả cao hơn cả là ở vùng cực tây (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá), ở đó năm 1928, 1929 và 1930, người chủ phải trả ít nhất 80 đồng một năm, nhiều khi phải trả 100 đồng, trong đó phải ứng trước 20 đồng. Một người đàn bà được trả từ 30 đến 40 đồng, một trẻ em trông coi trâu được trả từ 30 đến 40 đồng” [7; tr.41]. Số lượng 4.112 điền chủ dùng tá điền nghĩa là họ vẫn thực hiện phát canh thu tô kiểu phong kiến dù là điền chủ người Pháp hay người Việt. Tuy nhiên, ở tỉnh Bạc Liêu phương thức bóc lột này cũng được tiến hành khá đặc biệt, nhất là trong các đồn điền do người Pháp sở hữu. Nhiều nhà nghiên cứu gọi đây là phương thức bóc lột theo kiểu vắng mặt (absentéisme). Nghĩa là điền chủ không khai thác trực tiếp mà trao quyền quản trị tất cả đất đai của họ cho một viên quản lý với mức địa tô nhỏ thấp hơn địa tô dành cho tá điền. Chính những viên quản lý này mới là những kẻ bóc lột thậm tệ các tá điền. Họ đã đòi hỏi tá điền những địa tô rất nặng, đã dùng tất cả những biện pháp cho vay lãi để trục lợi [3; tr.113].

Đối với tầng lớp tiểu điền chủ và nông dân, trong quá trình tham gia khẩn hoang, họ cũng có ruộng đất do mình làm chủ sở hữu. Nhưng những mảnh đất này đều có nguy cơ rơi tay các điền chủ lớn. Bằng những thủ đoạn lợi dụng chính sách ruộng đất mà chính quyền thực dân ưu đãi, những loại giấy tờ liên quan đến ruộng đất phức tạp mà đại đa số những người nông dân Nam Kỳ lại mù chữ, không rõ những nội dung nên họ thường thua thiệt khi có tranh chấp và kiện tụng ra toà. Nguyễn Khắc Đạm nêu ra một trường hợp điển hình, người nông dân sau khi hoàn thành việc khẩn hoang và khi “*đất hoang đã thành ruộng, lúa đã chín đồng, thế là bọn thực dân và tay sai (bọn quan lại, ký lục có thân thế) đem người ở Sở địa chính đến đo đạc chiếm lấy, nói rằng đó là đất công chúng đã mua được của nhà nước. Kết cục, người nông dân thấp cổ bé họng chỉ còn có cách một là đi chỗ khác khẩn hoang để rồi lại bị cướp đoạt, hai là ở lại làm tá điền nộp tô cho chúng. Nhiều tên thực dân Pháp đã nhờ lối đó mà cướp đoạt được tới hàng vạn mẫu tây*” [4; tr.70]. Những cuộc đấu tranh tự phát diễn ra nhiều nơi ở miền Tây

Nam Kỳ, nhưng mức độ nhỏ lẻ. Tuy nhiên, có hai sự kiện đã tác động lớn đến chính quyền Đông Dương và thu hút nhiều ký giả của các tờ báo ở Nam Kỳ diễn ra tại tỉnh Bạc Liêu. Đó là cuộc nổi dậy ở Ninh Thạnh Lợi (1927) và vụ Nọc Nạng (1928).²

Trong cuộc nổi dậy ở Ninh Thạnh Lợi, người đứng đầu là một tiểu điền chủ tên Trần Kim Túc (ở Bạc Liêu thường gọi là Chủ Chọt). Ông “*đã vận động hàng trăm nông dân dùng dao mác đứng lên chống lại tên địa chủ Bô-vin Ấy-nô vì tên này cấu kết với bọn cai tổng, xã trưởng cướp trên 9/10 diện tích đất canh tác ở làng Ninh Thạnh Lợi.*” [2; tr.24]. Trong cuộc đụng độ này có rất nhiều thương vong cho cả hai phía. Phía Chủ Chọt bắn tên cò Bouchet bị thương, giết chết 3 lính mã tà, cướp được 3 súng. Phía Chủ Chọt có 20 người chết, bao gồm cả ông ấy.

Cuộc nổi dậy ở Ninh Thạnh Lợi cuối cùng cũng thất bại và có rất nhiều người nông dân phải nằm xuống ở mảnh đất cực Tây này. Tuy nhiên, “*chính quyền thực dân sau đó phải điều chỉnh chính sách thuộc địa. Thống đốc Nam Kỳ hứa với Toàn quyền Đông Dương là sẽ cứu xét với tinh thần rộng rãi một số nguyện vọng của nông dân như việc đóng thuế và hứa xét một cách công bằng những vụ khiếu nại về ruộng đất ở Ninh Thạnh Lợi*” [1; tr.242].

Nếu như cuộc nổi dậy ở Ninh Thạnh Lợi là do một tiểu điền chủ đứng đầu và huy động đến hàng trăm nông dân với vũ khí thô sơ để chống lại bọn cường hào ở địa phương bắt tay với tư sản Pháp để chiếm đất thuộc quyền sở hữu của họ, thì vụ xảy ra ở Nọc Nạng (làng Phong Thạnh, quận Giá Rai) chỉ do một gia đình nông dân chống lại bọn điền chủ lợi dụng các loại giấy tờ và sự thiếu hiểu biết của nông dân để chiếm đoạt ruộng đất mà gia đình họ khẩn hoang được. “*Tên địa chủ Mã*

² Sơn Nam đã trình bày diễn biến hai sự kiện này một cách cụ thể dựa vào một số tài liệu của thực dân Pháp và các bài báo đăng tại Sài Gòn thời ấy trong quyển *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, tái bản năm 2016, NXB Trẻ, tr.331-362. Ở đây, trong khuôn khổ một bài báo, chúng tôi chỉ trình bày sơ lược nguyên nhân, diễn biến và kết quả của hai sự kiện này.

Ngân thường gọi là Bang Tắc nhiều thủ đoạn xảo huyệt, có tên Phủ Huấn tiếp tay đến cướp lúa, cướp đất gia đình Mười Chức” [2; tr.27] Cuộc đụng độ xảy ra giữa một bên là gia đình một người nông dân với một bên là một điền chủ lớn và hai tên cò Tournier, Bougou chỉ huy lính mã tà, lính kín, một số tên hương chức hội tề làng Phong Thạnh. Trong cuộc đụng độ ngày 16/2/1928, phía gia đình Mười Chức có 4 người chết kể cả Mười Chức. Phía Bang Tắc, cò Tournier bỏ mạng và nhiều người khác bị thương. Vụ Nọc Nạng cho thấy chính sách ruộng đất ở chính quyền Đông Dương có nhiều bất công, dung dưỡng cho bọn điền chủ lớn thu tóm đất đai của những người nông dân vốn rất cực nhọc khai khẩn mới có thể biến đất hoang thành đồng ruộng để cày cấy.

Nhìn chung, mặc dù Bạc Liêu trở thành tỉnh có nền kinh tế nông nghiệp phát triển bậc nhất ở Nam Kỳ, nhưng đời sống của người nông dân ở đây cũng như bao người nông dân Việt Nam thời thuộc địa. Những cuộc đấu tranh tự phát liên quan đến vấn đề ruộng đất diễn ra mạnh mẽ và tạo được tiếng vang trên khắp Nam Kỳ. Những cuộc đấu tranh tự phát ở Ninh Thạnh Lợi và ở Nọc Nạng là minh chứng rõ ràng cho mối quan hệ về quyền sở hữu ruộng đất phức tạp mà nguyên nhân cơ bản nhất chính là những chính sách cấp phát đất đai của chính quyền thực dân. *“Hai vụ án ở Ninh Thạnh Lợi và đồng Nọc Nạng qua báo chí làm chấn động dư luận cả nước. Mâu thuẫn sâu sắc giữa nông dân và địa chủ phong kiến, giữa nhân dân Bạc Liêu và bọn đế quốc thống trị đã đến tột độ”*[2; 29]. Các cuộc đấu tranh này dù bị đàn áp đẫm máu nhưng nó cũng đã buộc chính quyền thực dân phải có những điều chỉnh chính sách ruộng đất ở thuộc địa ở Đông Dương. Ngày 4/11/1928, Toàn quyền Đông Dương lại ra một sắc luật mới nhằm hạn chế sự phát triển ồ ạt của đồn điền dẫn đến nhiều vấn đề phức tạp khác. Chẳng hạn, *“cấp phát có trả tiền là quy định đối với đất nông thôn, cấp phát không trả tiền chỉ là trường hợp cá biệt, nhằm khuyến khích hoạt động khai thác thuộc địa nhỏ của người Pháp hay người bản xứ, hạn chế ở mức tối đa 300 héc-ta”*[7; tr.235]. Sắc

lệnh này cũng quy định chặt chẽ việc khẩn hoang, tuyệt đối không được khai khẩn trước, làm ruộng rồi mới xin khai vào bộ. Chính vì sắc lệnh này mà không còn tình trạng những người có vốn liếng đổ xô về Bạc Liêu chiếm đất như trước kia.

KẾT LUẬN

Tỉnh Bạc Liêu xưa là vùng đất xa xôi, phức tạp, điều kiện tự nhiên rất khắc nghiệt. Khi các tỉnh miền Đông và miền Trung Nam Kỳ đã cơ bản khai phá xong và trở thành những vựa lúa quan trọng, miền Hậu Giang mới bắt đầu có những bước chuyển mình thực sự trong công cuộc khẩn hoang. Khi Paul Doumer sang làm Toàn quyền Đông Dương (1897), với chính sách cấp phát ruộng đất mới, ưu tiên cho những nhà tư sản người Pháp và các địa chủ người Việt thân Pháp và có thể lực về kinh tế, việc khẩn hoang và sở hữu ruộng đất ở tỉnh Bạc Liêu đã có những thay đổi lớn.

Việc sở hữu ruộng đất lớn là một thực trạng ở tỉnh Bạc Liêu, có những điền chủ sở hữu diện tích đất đai lớn không chỉ so với các tỉnh ở Nam Kỳ mà còn có thể so sánh trên toàn cõi Đông Dương. Với chính sách ưu đãi và dung dưỡng của chính quyền thuộc địa làm cho trình trạng tập trung ruộng đất vào tay các điền chủ lớn diễn ra ngày càng khốc liệt. Việc mất đất và trở thành tá điền của người nông dân ở tỉnh Bạc Liêu và những cuộc đấu tranh tự phát để đòi quyền sống của họ diễn ra như một phần tất yếu của lịch sử vùng cực Tây đất nước trong những thập niên đầu của thế kỉ XX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Ân, Trương Minh Chiến (chủ biên) (2010), *Từ điển địa chí Bạc Liêu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trương Minh Chiến (chủ biên) (2002), *Lịch sử Đảng Bộ tỉnh Bạc Liêu*, Tập 1, Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh Bạc Liêu.
3. Phạm Cao Dương (1967), *Thực trạng của giới nông dân Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn.
4. Nguyễn Khắc Đạm (1957), *Những thủ đoạn bóc lột của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội.

5. *Địa dư* (1926), Quinhon, An Nam.
6. Trần Ngọc Định (1970), Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam bộ trong thời đến quốc Pháp thống trị, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 132, tr.81-90
7. Yves Henry (1932), *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Bản dịch Hoàng Đình Bình, Tư liệu Khoa Lịch sử, ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.
8. Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam sử lược*, Sài Gòn.
9. Huỳnh Lứa, (Chủ biên), (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Sơn Nam (2016), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Dương Kinh Quốc (1998), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Henri Russier, Henri Brenier (1911), *Indochine Francaise*, Paris.
13. Nguyễn Đình Tư (2016), *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ*, Tập 2, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

SUMMARY

THE LAND PROBLEMS AND SPONTANEOUS FIGHTS OF FARMERS IN BAC LIEU PROVINCE UNDER THE FRENCH DOMINATION

Tran Minh Tuan*
Can Tho University

In years in the late 19th century and early 20th century, the land problem in Bac Lieu province had obvious changes. Colonial government had policies priority for landowners about in land distribution. In here, many landowners owned thousands of hectares of land. The rice plantation system of landowners increasing. Besides, farmer's land was increasingly narrowed. Conflicts between landowners and farmers became stressed. Spontaneous fights was forced Indochine government must adjust policies about land distribution in colonies.

Key words: *own land, landowner, farmer, spontaneous fight, Bac Lieu province.*

Ngày nhận bài: 20/11/2017; **Ngày phản biện:** 24/11/2017; **Ngày duyệt đăng:** 29/12/2017

* Tel: 0907079229; Email: tranminhkc@ctu.edu.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Bui Hoang Tan - Ownership situation public field-land in Ha Chau district, Ha Tien province through studying cadastral registers of Minh Mang dynasty 17 (1836)	3
Doan Thi Yen - Tu Duc king's attitude towards Catholicism before and after 1962	9
Tran Minh Thuan - The land problems and spontaneous fights of farmers in Bac Lieu province under the French domination	15
Dong Van Quan - Types of democratic regime in the history and the present socialist democratic regime in our country	21
Le Thi Giang, Le Thi Huong - The original of formation of Ho Chi Minh thought on human beings, human development	27
Cao Thi Phuong Nhung, Ngo Thi Quang - Ho Chi Minh's talk about the study of theoretics in "the orientation speech at the opening ceremony of the first theoretics class at Nguyen Ai Quoc Institute"	33
Luu Thu Trang - The tragedy of Grigori Melekhov reflected in the relationship between Aksinia and Natalia in <i>Quietly Flows the Don</i> (M. Sholokhov)	39
Hoang Thi Tuyet Mai - The moon in Nguyen Huy Oanh's poetry	45
Nguyen Dieu Linh - <i>Onychostoma laticeps</i> in culinary culture of white Thai people in Son A commune, Van Chan district, Yen Bai province	49
Nguyen Thi Tan Tien, Ha Thi Hang - The differences of learning outcomes of students having taken the general informatics course with students obtaining the IC3 certificate at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	55
Dau Thi Thu - Training pedagogical profession for students through real professional activity experience	61
Nguyen Ngoc Binh, Duong To Quynh - Testing and assessing the learning outcome of the volleyball subject for students at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	67
Luu Quang Sang - Some suggestions of teaching Chinese characters for Vietnamese students	73
Hoang Thi Hai Yen - Applying Ho Chi Minh' ideology about morality in building morals, lifestyle of students in Thai Nguyen University of Technology currently	79
Phung Thi Tuyet, Nong Hong Hanh - Assessment of the project-based teaching and learning of the students major in Chinese at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	85
Tran Hoang Tinh - Situation and measures for planning and directing the implementation of disciplined education for students at centers for national defense and security education	91
Hoang Thi Ly - role of scaffolding activities in enhancing english reading skills among first year college students	97
Duong Thi Hong An, Dang Phuong Mai - Evaluating the EFL courseware at Thai Nguyen University of Information and Communication Technology	103
Ta Thi Mai Huong, Nguyen Van Thinh, Nguyen Thi Hanh Hong - Effects of portfolios on improving listening comprehension skill for students: a case study at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration	109
Tran Tuan Anh, Do Van Hai, Tran Thi Thu Thuy, Hoang Van Hung - Research building multipurpose database to service land mangement in Coc Leu ward, Lao Cai city	115
Nguyen Thi Gam, Dao Thi Huong - Influence of service quality on customer satisfaction at Vietinbank- Thai Nguyen branch	121
Nguyen Thi Thanh Thuy - Foreign direct investment with the socio-economic development of Vietnam	129

Chu Thi Ha, Do Thi Ha Phuong, Nguyen Thi Giang, XiaoLi Wu - Factors affecting knowledge workers' job motivation in vietnamese enterprises	135
Tran Viet Khanh, Do Thuy Mui - Some agricultural development solutions in Tay Bac	141
Nguyen Thi Lan Anh - Enhanced management in use expense resources of health care activities in Thai Nguyen National General Hospital	147
Nguyen Thi Giang, Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Ho Luong Xinh - Solution to improve economic efficiency of mushroom production at households in Dai Tu district, Thai Nguyen province	153
Do Thi Van Huong - Analyse efficiency of Arabica and Macadamia crops at Ang To commune, Muong Ang district, Dien Bien province	159
Dang Ngoc Huyen Trang, Duong Thi Thuy Linh - Determining relationship between foreign direct investment inflow and trade balance in Vietnam	165
Duong Thi Tinh - Status of restructuring state-owned enterprises in 2016 and solutions for next years	171
Pham Thi Thanh Mai, Nghiem Thi Ngoan - Guarantee for intellectual property rights on the "Tan Cuong" tea geographical indications of Thai Nguyen province	177
Nguyen Thi Thao - Implementation results of the poverty reduction program in Thai Nguyen province in 2011-2015	183
Nguyen Thi Lan Anh, Dao Thi Huong - The development of the relationship between workers in the value brand only chain in Thai Nguyen province	189
Tran Thuy Linh, Do Hoang Yen - Improving regulations on defining dominant abusive practices under Vietnamese Competition Law 2004	195
Nguyen Thi My Hanh, Ngo Thi Quynh Trang, Pham Thi Thu Phuong, Hoang Thi Lan Huong - Barriers to ASEAN green hotel standard in the hotel industry: a case study in Ha Noi	201
Phan Thi Van Giang, Pham Bao Duong - Some theoretical issues and experience lessons of integration in pig raising and pork consumption	207